

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất;

Căn cứ Thông tư số 151/2010/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với Quỹ phát triển đất quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình liên Sở số 1630/TTr-SNV-STC ngày 05 tháng 11 năm 2010 về việc thành lập và ban hành Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội, gồm 10 Chương với 43 Điều.

Điều 2. Giao Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất thành phố chỉ đạo hoạt

động của Quỹ theo đúng Điều lệ về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng thành phố; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Vs/Kh*

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Các Ban HĐND TP;
- CVP, PVP; các CVNCTH;
- Lưu VT, NC, SNV *SNV*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Như*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thảo

ĐIỀU LỆ

Về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 / 2014/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ) được thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi

Tên tiếng Việt: Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội;

Tên giao dịch quốc tế: HaNoi Land Resources Development Fund;

Tên viết tắt là HLRDF.

2. Trụ sở chính của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội đặt tại khu đền Lừ II, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hoạt động hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ thực hiện thu, chi, quyết toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật. Năm tài chính của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

4. Quỹ phải công khai tình hình huy động, quản lý, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính theo quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính (Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính và Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

5. Không được lợi dụng hoạt động của Quỹ để thu lợi cho cá nhân và hoạt động trái với các quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Hoạt động của các tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các đoàn thể của Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ của tổ chức đoàn thể và các quy định khác của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1, Điều 20 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.
3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1, Điều 20 của Điều lệ này.
4. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.
5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.
7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.
3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo Quy định tại Điều 21, 22, 23 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.
4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.
5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.
6. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Mục 1
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội là tổ chức cao nhất của Quỹ, quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ;

Hội đồng quản lý Quỹ có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, kiêm nhiệm;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ;

c) Các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố;

d) Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; riêng Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

3. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm. Hết nhiệm kỳ, Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại.

4. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức;

- b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;
- c) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc;
- d) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội quản lý Quỹ theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Quyết định kế hoạch phát triển, định hướng hoạt động của Quỹ.
3. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật;
4. Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ;
5. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;
6. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát;
7. Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ;
8. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền;
9. Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ;
10. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính quy định tại Điều 25 của Quy chế này; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
11. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các đơn vị nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;
12. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật;
13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các Thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

3. Ký, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Triệu tập, chủ trì và phân công Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Phân cấp quản lý cho Giám đốc Quỹ về các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội.

8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp.

Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó chủ tịch được ủy quyền có trách nhiệm gửi thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và dự thảo quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của Ủy viên.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự;

Ủy viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được

chuyển đến tay Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp;

Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ không có Thành viên tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan tham dự phiên họp. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

5. Biên bản hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội; giao Giám đốc Quỹ hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

6. Các Thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố và Nhà nước.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát

a) Ban kiểm soát Quỹ có 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và các thành viên, trong đó:

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ;

b) Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách khác theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách khác theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được hội đồng quản lý Quỹ cho phép;

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát uỷ quyền cho Phó trưởng ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát.

8. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội.

Mục 3

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc cơ quan điều hành Quỹ; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ... Trưởng, phó trưởng phòng

chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của nhà nước và thành phố;

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- Phòng Quản lý vốn;
- Phòng Quản lý đặt hàng mua nhà , thanh toán tái định cư;
- Phòng Hành chính - Kế hoạch - Tổng hợp.

2. Biên chế của Quỹ Phát triển đất được Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ hàng năm.

Quỹ Phát triển đất được phép sử dụng một số lao động hợp đồng thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của Thành phố, hưởng tiền công từ nguồn thu khác của Quỹ.

Điều 13. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

2. Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

4. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

6. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ.

7. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

8. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

9. Ban hành các văn bản quy định về:

a) Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội;

b) Tổ chức hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;

c) Chế độ lương, thưởng và phúc lợi xã hội đối với người lao động phù hợp với các quy định của pháp luật;

d) Các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của Nhà nước theo thẩm quyền và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 15. Phó giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác.

2. Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ uỷ quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

3. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng của Quỹ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 50/2005/TTLT/BTC-BNV ngày 15 tháng 6 năm 2005 của liên Bộ Tài chính - Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế và xếp phụ cấp kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước.

Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể quỹ hoặc trường hợp Kế toán trưởng của quỹ chuyển công việc khác thì phải hoàn thành việc quyết toán trước khi nhận việc khác và vẫn phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách cho đến khi bàn giao xong công việc cho người khác.

Chương IV

LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 16. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo Bộ Luật Lao động và hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc với người lao động.

1. Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội trên cơ sở phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động và thành phố.

2. Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc theo yêu cầu của Quỹ. Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc được Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng.

3. Giám đốc Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các điều kiện thực tế của Quỹ và các quy định của Bộ Luật Lao động và thành phố.

Điều 17. Tiền lương

Tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc phù hợp với kết quả hoạt động của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động.

Điều 18. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Người lao động tại Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều lệ này, nội quy lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

Người lao động được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Người lao động trong thời gian làm việc tại Quỹ được tham gia công tác, học tập, thăm quan và khảo sát ở trong nước và nước ngoài khi cần thiết theo sự phân công của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thoả thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Quỹ Phát triển đất thành phố, các quy định của thành phố và pháp luật hiện hành.

Chương V

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ VÀ CƠ CHẾ NHẬN ỦY THÁC

Điều 19. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn Ủy ban nhân dân thành phố cấp và các nguồn vốn khác.

2. Mức vốn ngân sách Thành phố cấp cho Quỹ trong giai đoạn 2010 đến 2015 là 5000 (năm nghìn) tỷ đồng, trong đó thực hiện việc bố trí kinh phí cấp cho Quỹ ngay khi thành lập (trong năm 2010) là 2000 (hai nghìn) tỷ đồng;

Việc thay đổi mức vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động, căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Tiếp nhận 50 tỷ đồng của Quỹ Hỗ trợ ổn định đời sống, học tập, đào tạo nghề và việc làm của các hộ dân bị thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp thành phố Hà Nội (đã bị chấm dứt hoạt động tại Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội).

4. Hàng năm, thành phố trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để đảm bảo hình thành đủ mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Mức trích cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

5. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1.1. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

a) Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất;

d) Tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án;

đ) Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá.

1.2. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

1.3. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch.

1.4. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

1.5. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu.

1.6. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại các quận, huyện, thị xã có đất bị thu hồi.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1, Điều này do Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

3. Mức chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1, Điều này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Phát triển đất và các cơ quan liên quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 21. Điều kiện ứng vốn, chi hỗ trợ

Quỹ chỉ thực hiện ứng vốn, chi hỗ trợ khi các tổ chức nhận vốn ứng có đủ các điều kiện sau:

1. Là các tổ chức được giao nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 20 tại Điều lệ này.

2. Đã hoàn thành các thủ tục về bồi thường hỗ trợ tái định cư và các thủ tục đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có phương án hoàn trả vốn ứng phù hợp với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

1. Mức vốn ứng cho một dự án nhỏ hơn hoặc bằng 50 (năm mươi) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định.

2. Mức vốn ứng cho một dự án lớn hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng đến nhỏ hơn hoặc bằng 200 (hai trăm) tỷ đồng do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

3. Mức vốn ứng cho một dự án lớn hơn 200 (hai trăm) tỷ đồng, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Thẩm quyền quyết định ứng vốn được Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh trên cơ sở nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ (nguồn vốn điều lệ thực có và các nguồn vốn khác) và tình hình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất trên địa bàn thành phố từng thời kỳ cho phù hợp.

Điều 23. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 20 tại Điều lệ này và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ (nguồn vốn điều lệ thực có và các nguồn vốn khác), Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm theo nguyên tắc: chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án do cấp có thẩm quyền tại Điều 22 của Điều lệ này quyết định trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ.

2. Căn cứ nhu cầu ứng vốn của từng dự án, Quỹ thực hiện chi ứng vốn, chi hỗ trợ theo trình tự sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nhận vốn ứng gửi công văn đề nghị kèm theo các tài liệu cơ sở của dự án (bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung điều chỉnh) và bản đăng ký kế hoạch ứng vốn;

b) Mức vốn ứng thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đối với từng dự án. Việc ứng vốn có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn ứng của dự án;

c) Căn cứ hồ sơ đề nghị ứng vốn, chi hỗ trợ do chủ đầu tư gửi đến, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ ứng vốn cho chủ đầu tư hoặc thanh toán trực tiếp cho người thụ hưởng theo đề nghị của Chủ đầu tư;

d) Quỹ có trách nhiệm ban hành quy chế, quy trình ứng vốn, chi hỗ trợ phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.

Điều 24. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1, Điều 20 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất,

cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Thành phố thu hồi đất theo quy hoạch sau đó giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách Thành phố. Khi thực hiện giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn ứng ra để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (số tiền sử dụng đất, thuê đất thu được thực hiện điều tiết cho các cấp ngân sách sau khi bù trừ phần chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã ứng ra).

Trường hợp Tổ chức, cá nhân được Thành phố giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng thì nhà đầu tư thực hiện uỷ thác cho Quỹ phát triển đất hoặc các Trung tâm phát triển quỹ đất, thông qua hợp đồng uỷ thác để thực hiện chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được trừ số tiền đã chi trả bồi thường, hỗ trợ về đất vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp cho Thành phố. Mức được trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất và tiền thuê đất phải nộp theo quy định;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách các cấp hoàn trả theo phân cấp phân chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 25. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, các khoản chi hỗ trợ và xử lý rủi ro

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng

Được xác định theo khả năng hoàn trả vốn ứng của từng dự án nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư trong quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp đặc biệt cần kéo dài thời gian thực hiện, Giám đốc Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ phương án hoàn trả vốn ứng và thời hạn ứng vốn của dự án, Quỹ có trách nhiệm đôn đốc thu hồi vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ của các tổ chức được ứng vốn và giao nhiệm vụ chi hỗ trợ theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.

3. Xử lý rủi ro

3.1. Trường hợp xảy ra rủi ro cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong hoàn trả vốn ứng thì tổ chức nhận vốn ứng được xem xét gia hạn nợ; xoá; khoan nợ;

b) Trường hợp thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà các tổ chức nhận vốn ứng không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;
- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);
- Được xem xét, xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

3.2. Thẩm quyền xử lý rủi ro:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc khoan nợ, xoá nợ. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 26. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

2. Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 27. Nhận uỷ thác

1. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân uỷ thác.
2. Quỹ được nhận uỷ thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc thành phố.
3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

Chương VI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 28. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động.

Điều 29. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:
 - a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;
 - b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này;
 - c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);
 - d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận uỷ thác;
 - đ) Nguồn thu từ công tác phục vụ giải phóng mặt bằng là 0,05% / tổng giá trị ứng vốn giải phóng mặt bằng (được trích từ phần kinh phí chuyên về Sờ Tài chính để chi cho công tác xây dựng cơ chế chính sách và các phần việc liên quan (5%) trong tổng chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư);
 - e) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.

Điều 30. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định;

b) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tình giản biên chế theo chế độ (nếu có), đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do Ủy ban nhân dân thành phố giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 31. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm.

3. Quỹ thực hiện công tác kế toán, thống kê và báo cáo... theo quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính.

4. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Phân phối chênh lệch thu chi tài chính

1. Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội được trích lập quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi từ chênh lệch thu chi tài chính hàng năm của Quỹ. Mức trích lập cụ thể theo quy định hiện hành của Nhà nước, Thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Mục đích sử dụng các quỹ:

2.1. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để: đầu tư mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc theo kế hoạch được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

2.2. Quỹ khen thưởng được sử dụng để khen thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ viên chức, người lao động của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội có thành tích trong công tác, học tập tại Quỹ; thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiệp vụ mang lại hiệu quả; mức thưởng do Giám đốc Quỹ quyết định.

Quỹ khen thưởng còn được dùng để thưởng cho các cá nhân, tập thể ngoài Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội có quan hệ, đóng góp hiệu quả vào hoạt động của Quỹ; mức thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

2.3 Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo thoả thuận; chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ viên chức và người lao động Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ viên chức Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội; đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội và chi các hoạt động phúc lợi khác. Giám đốc Quỹ phối hợp với Ban chấp hành công đoàn Quỹ để quản lý, sử dụng quỹ này.

Điều 33. Quản lý tài chính Quỹ

1. Hàng năm, Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính, báo cáo tài chính ... (kèm theo thuyết minh chi tiết) báo cáo Sở Tài chính.

Các báo cáo do Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ lập, có ý kiến của Ban Kiểm soát và trình Hội đồng quản lý thông qua, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định.

2. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính năm và công khai quyết toán thu, chi tài chính năm theo quy định hiện hành.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo. Ban kiểm soát quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài chính của quỹ.

Chương VII

CÁC LOẠI THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 34. Các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước áp dụng đối với Quỹ phát triển đất

1. Về Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) từ hoạt động thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Thu nhập từ các hoạt động khác ngoài hoạt động thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Trong đó:

- Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế bao gồm các khoản thu quy định tại điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này.

- Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Quỹ phát triển đất là khoản chi thực tế phát sinh, liên quan đến hoạt động tạo ra doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế, có hoá đơn chứng từ hợp lệ, hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn, không bao gồm các khoản chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.

- Trường hợp Quỹ phát triển đất có thu nhập từ các hoạt động thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà Quỹ hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ, cụ thể như sau:

- + Đối với dịch vụ: 05 (năm) %;
- + Đối với kinh doanh hàng hoá: 01 (một) %;
- + Đối với hoạt động khác: 02 (hai) %.

2. Về Thuế giá trị gia tăng

a) Các hoạt động ứng vốn và hỗ trợ do Quỹ phát triển đất cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;

b) Quỹ phát triển đất cung cấp các dịch vụ không được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc có mua sắm, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành;

c) Quỹ phát triển đất thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng mà tính vào nguyên giá tài sản cố định. Trường hợp tài sản cố định được hình thành một phần từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo tỷ lệ (%) của nguồn vốn ngân sách nhà nước trên tổng nguồn vốn hình thành tài sản cố định.

Không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào bằng các nguồn kinh phí do Nhà nước cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ

quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Về các loại thuế môn bài, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, các loại thuế gián thu và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 35. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 36. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Phát triển đất thành phố do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Chương IX

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 38. Chế độ thông tin

Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về thông tin và bảo mật.

Điều 39. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, các nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2010; các dự án phục vụ giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất và làng nghề năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố đang giao Kho bạc nhà nước Hà Nội và Quỹ Đầu tư phát triển thành phố thực hiện thanh toán, giải ngân thi Kho bạc nhà nước Hà Nội, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố tiếp tục thực hiện việc thanh toán giải ngân theo quy định.

2. Đối với các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư, nhà ở tái định cư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thành phố đang uỷ thác cho Quỹ Đầu tư phát triển cấp phát, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố tiếp tục thực hiện việc thanh toán giải ngân theo quy định.

3. Đối với các dự án tái định cư và đặt hàng mua nhà thực hiện theo cơ chế đầu tư quay vòng từ nguồn thu tiền bán nhà tái định cư theo Quyết định số 53/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố giao cho Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội để hình thành nguồn vốn quay vòng cho vay đầu tư các dự án nhà tái định cư phục vụ di dân giải phóng mặt bằng và các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội: giao Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, rà soát cụ thể, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan.

4. Đối với các dự án giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2010; các dự án phục vụ giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất và làng nghề năm 2010, Kho bạc nhà nước Hà Nội, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố chưa tiến hành thanh toán, giải ngân thì tiến hành bàn giao cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định.

5. Kho bạc Nhà nước Hà Nội, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Quỹ Phát triển đất, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện rà soát tình hình thanh toán, giải ngân các dự án trên và tiến hành các thủ tục bàn giao hồ sơ, tài chính theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 41. Con dấu

1. Con dấu của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.

2. Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước

Điều 42. Các nội dung về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội không ghi trong bản Quy chế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết). Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định (thông qua Sở Nội vụ xem xét, thẩm định).

2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Thảo